

Bản án số: **04/2022/KDTM-PT**

Ngày 05/5/2022

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vương Hồng Giang;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Quế và bà Nguyễn Minh Lý.

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Quang Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 và ngày 05/5/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số 13/2021/TLPT-KDTM ngày 21/12/2021, do Bản án Kinh doanh Thương mại sơ thẩm số 13/2021/KDTM-ST ngày 03/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2022/QĐPT-KDTM ngày 08 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV.

Địa chỉ: Số 89, đường LH, phường LH, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A, Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng SME và cá nhân VPBank Hội Sở, (vắng mặt).

Người được ủy quyền lại:

1.1. Bà Phạm Thu H, sinh năm 1992, trú tại: Phòng 904, tòa nhà B8, Khu chung cư The Vesta, PL, quận HĐ, thành phố Hà Nội, (có mặt).

1.2. Bà Trần Thị T, cán bộ xử lý nợ Ngân hàng VPbank, (vắng mặt).

1.3. Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1987, cán bộ xử lý nợ Ngân hàng VPbank, (có mặt).

**2. Bị đơn:** Bà Hoàng Thị Bích H1, Chủ Doanh nghiệp tư nhân LM.

Địa chỉ: Tổ 24A, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, (có đơn đề nghị

xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1946, địa chỉ: Xóm TT 2, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

3.2. Ông Hoàng Tùng L1, sinh năm 1973, địa chỉ: Xóm TT 2, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

3.3. Bà Mai Thị H2, sinh năm 1976, địa chỉ: Xóm TT 2, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

3.4. Ông Lương Ngọc T1, sinh năm 1954, địa chỉ: Tổ 12, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

3.5. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1954, địa chỉ: Tổ 12, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

3.6. Ông Hoàng Tùng V, sinh năm 1966, địa chỉ: Tổ 18, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

3.7. Bà Bùi Thị Bích L2, sinh năm 1973, địa chỉ: Tổ 18, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

3.8. Bà Nguyễn Thị Xuân L3, sinh năm 1966, địa chỉ: Xóm TT 2, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

3.9. Ông Đoàn Văn L4, sinh năm 1961, (đã chết ngày 13/4/2013).

Người kế thừa theo pháp luật của ông L4 gồm:

3.9.1 Bà Nguyễn Thị Xuân L3, sinh năm 1966, địa chỉ: Xóm TT 2, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

3.9.2 Chị Đoàn Thị Thu H3, sinh năm 1986, địa chỉ: Tổ dân phố Kè, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

3.9.3 Anh Đoàn Ngọc D1, sinh năm 1989, địa chỉ: Xóm TT 2, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

Người được chị (H3, anh D1) ủy quyền là bà Nguyễn Thị Xuân L3.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc T2, Văn phòng Luật sư TH, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Bản án sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:* Ngân hàng có ký kết với bà Hoàng Thị Bích H1, chủ Doanh nghiệp tư nhân LM(sau đây viết tắt là Doanh nghiệp) 06 hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số LD0909000214 ngày 31/3/2009; Hợp đồng tín dụng số NCT 54/Q2/2010 ngày 21/6/2010; Hợp đồng tín dụng số NCT 01/Q3/2010 ngày 06/7/2010; Hợp đồng tín dụng số NCT 13/Q3/2010 ngày 16/7/2010; Hợp đồng tín dụng số NCT 35/Q3/2010 ngày 11/8/2010; Hợp đồng tín dụng số

047/2011/HĐTD-NTL ngày 18/3/2011 và các Khế ước nhận nợ kèm theo, doanh nghiệp vay của Ngân hàng với tổng số tiền là 2.240.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Thứ nhất: Hợp đồng tín dụng trả góp số LD 0909000214 ngày 31/3/2009. Số tiền nhận nợ: 900.000.000 đồng, thời gian vay 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn: 1,125%/tháng, mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn trả nợ là ngày 31/3/2012. Nợ gốc bên vay trả 01 tháng/lần, nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 (kỳ trả nợ lãi), kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/4/2009.

- Thứ hai: Hợp đồng tín dụng số NCT 54/Q2/2010 ngày 21/6/2010. Số tiền nhận nợ: 500.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 15,9%/năm, mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn trả nợ là ngày 21/6/2011. Nợ gốc bên vay trả 01 lần khi kết thúc thời hạn vay (gốc trả cuối kỳ). Nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 (kỳ trả nợ lãi), kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/7/2010.

- Thứ ba: Hợp đồng tín dụng số NCT 01/Q3/2010 ngày 06/7/2010. Số tiền nhận nợ 280.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 15,9%/năm, mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn trả nợ là ngày 06/7/2011. Nợ gốc bên vay trả 01 lần khi kết thúc thời hạn vay (gốc trả cuối kỳ). Nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 (kỳ trả nợ lãi), kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/7/2010.

- Thứ tư: Hợp đồng tín dụng số NCT 13/Q3/2010 ngày 16/7/2010. Số tiền nhận nợ 300.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 16,1%/năm, mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn trả nợ là ngày 16/7/2011. Nợ gốc bên vay trả 01 lần khi kết thúc thời hạn vay (gốc trả cuối kỳ). Nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 (kỳ trả nợ lãi), kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/8/2010.

- Thứ năm: Hợp đồng tín dụng số NCT 35/Q3/2010 ngày 11/8/2010. Số tiền nhận nợ 100.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 15,2%/năm, mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn trả nợ là ngày 11/8/2011. Nợ gốc bên vay trả 01 lần khi kết thúc thời hạn vay (gốc trả cuối kỳ). Nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 (kỳ trả nợ lãi), kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/9/2010.

- Thứ sáu: Hợp đồng tín dụng số 047/2011/HĐTD-NTL ngày 18/3/2011. Số tiền nhận nợ 160.000.000 đồng, thời gian vay 48 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 22%/năm, mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn trả nợ là ngày 18/3/2015. Nợ gốc bên vay trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 (kỳ trả nợ gốc), kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/6/2011.

Tổng cộng gồm 16 kỳ, mỗi kỳ trả 10.000.000 đồng. Nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 (kỳ trả nợ lãi), kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/4/2011.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay gồm có:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 123, tờ bản đồ số 103-2, xã TQ, thị xã SC, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Phạm Thị Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số A231753 do Ủy ban nhân dân thị xã SC (nay là thành phố SC) tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 11/02/1991; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số H09.0330.36-VPTN ngày 30/3/2009.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 123A, tờ bản đồ số 103-2, xã TQ, thị xã SC (nay là thành phố SC), tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hoàng Tùng L1 và bà Mai Thị H2 theo GCNQSDĐ số AK223979 do UBND thị xã SC cấp ngày 05/8/2008; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số H09.0330.37-VPTN ngày 30/3/2009.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 123B, tờ bản đồ số 103-II, xã TQ, thị xã SC, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hoàng Tùng V và bà Bùi Thị Bích L2 theo GCNQSDĐ số AK223980 do UBND thị xã SC cấp ngày 05/8/2008; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số H09.531.70-VPTN ngày 13/5/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 11/8/2010.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 179, 179a, tờ bản đồ số 103-II, xã TQ, thị xã SC, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị Xuân L3 và ông Đoàn Văn L4 theo GCNQSDĐ số Y893920 do UBND thị xã SC cấp ngày 16/01/2004; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số N95/2010/HĐTC-VPBTN ngày 06/7/2010.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 1618, tờ bản đồ số 4, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lương Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị S theo GCNQSDĐ số AO211051 do UBND thành phố TN cấp ngày 30/6/2009; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số N79/2010/HĐTC-VPBTN ngày 21/6/2010 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 17/7/2010.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi đối với Ngân hàng, nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo. Sau khi khoản nợ bị chuyển quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc tạo điều kiện, nhưng bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 02/11/2021, bà H1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 4.741.004.502 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.557.763.609 đồng, nợ lãi 3.183.240.893 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà H1, chủ Doanh nghiệp LM phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan đối với số tiền nêu trên.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi trong hạn, lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà H1, chủ Doanh nghiệp thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp bà H1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng được yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm

quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay vốn với Ngân hàng. Trong trường hợp số tiền này không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Tòa án tiếp tục yêu cầu bên vay vốn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết khoản nợ nói trên cho Ngân hàng.

*Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2011, bà Hoàng Thị Bích H1, chủ Doanh nghiệp LM có ký 06 Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo với Ngân hàng theo đúng như nguyên đơn trình bày. Bà H1 vay của Ngân hàng tổng số tiền là 2.240.000.000 đồng, sau khi vay bà H1 đã trả được một phần tiền gốc và tiền lãi. Tuy nhiên, do việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn, rủi ro, thua lỗ, nên các hợp đồng tín dụng đến hạn trả nợ bà H1 không có khả năng thanh toán, bà H1 đã trực tiếp đến gặp Ngân hàng để thông báo về việc bà không có khả năng trả nợ các khoản tiền vay đến hạn. Từ đó Ngân hàng không có văn bản gia hạn hợp đồng cho bà. Đến tháng 4 năm 2016, Ngân hàng khởi kiện bà H1 ra Tòa án, thấy thời hiệu khởi kiện đã hết, bà H1 đã có đơn yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện đối với 06 Hợp đồng tín dụng đã ký. Ngày 07/02/2018, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án với lý do Ngân hàng rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Đến ngày 14/9/2018, Ngân hàng lại có đơn khởi kiện bà H1. Ngân hàng yêu cầu bà H1 phải thanh toán tổng số tiền gốc và tiền lãi là 4.741.004.502 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.557.763.609 đồng, nợ lãi trong hạn 62.652.528 đồng, nợ lãi quá hạn 3.120.588.364 đồng. Bà H1 không nhất trí và đề nghị Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện đã hết, nhất trí trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc của 06 Hợp đồng tín dụng là 1.557.763.609 đồng.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Bà Phạm Thị Đ trình bày: Ngày 30/3/2009, bà cho bà H1 mượn GCNQSDĐ thế chấp để vay tiền của Ngân hàng, trong suốt quá trình đó bà không thấy Ngân hàng đến kiểm tra, thẩm định đất đai, nhà ở, đến năm 2016, bà mới biết Ngân hàng khởi kiện bà H1, nếu bà H1 không trả được nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản, bà đề nghị Tòa án xem xét thời hiệu khởi kiện đối với bà H1 và bà nhất trí cho kê biên, phát mại tài sản của bà.

- Bà Mai Thị H2 và ông Hoàng Tùng L1 trình bày: Ngày 30/3/2009, vợ chồng ông, bà cho bà H1 mượn GCNQSDĐ thế chấp để vay tiền của Ngân hàng, nhưng sau đó ông, bà không thấy Ngân hàng đến kiểm tra, thẩm định đất đai, nhà ở. Từ năm 2009 đến nay ông, bà không thấy Ngân hàng thông báo xử lý tài sản hoặc vay nợ. Nếu bà H1 không thanh toán được nợ cho Ngân hàng, thì ông, bà nhất trí cho kê biên, phát mại tài sản của ông bà.

- Bà Nguyễn Thị S và ông Lương Ngọc T1 trình bày: Gia đình ông, bà có cho bà H1 mượn GCNQSDĐ thế chấp để vay tiền của Ngân hàng. Nếu bà H1 không thanh toán được nợ cho Ngân hàng, thì ông bà, nhất trí cho kê biên, phát mại tài sản của ông bà.

- Ông Hoàng Tùng V và bà Bùi Thị Bích L2 trình bày: Vợ chồng ông, bà có ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản để cho bà H1 vay tiền làm ăn kinh doanh, nay Ngân hàng khởi kiện bà H1, nếu bà H1 không trả được nợ cho Ngân hàng, thì ông, bà nhất trí cho kê biên, phát mại tài sản của ông bà.

- Bà Nguyễn Thị Xuân L3 trình bày: Ngày 06/7/2010, bà và ông Đoàn Văn L4 (là chồng) đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản cho bà H1 để vay tiền của Ngân hàng, đến ngày 12/4/2013 ông Lực chết. Trong suốt quá trình bà H1 vay tiền, gia đình bà không thấy Ngân hàng đến thông báo về việc bà H1 nợ Ngân hàng và xử lý tài sản thế chấp như thế nào. Nay Ngân hàng yêu cầu bà H1 phải thanh toán nợ, nếu bà H1 không thanh toán được nợ cho Ngân hàng, thì bà và các con của bà nhất trí cho kê biên, phát mại tài sản của ông bà.

Bản án Kinh doanh Thương mại sơ thẩm số 13/2021/KDTM-ST ngày 03/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và Quyết định: Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39; các Điều 143; 147; 184; 217; 218; 227; 228; 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 149; 150; 317; 318; 319; 320; 323; 429; 466; và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 159; 427 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 91; 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV.

- Buộc Doanh nghiệp tư nhân LM, chủ Doanh nghiệp là bà Hoàng Thị Bích H1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV tổng số tiền gốc là 1.557.763.609 đồng (một tỷ, năm trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm linh chín đồng) và tiền lãi của hợp đồng tín dụng số 047/2011 ký kết ngày 18/3/2011 là 386.242.771 đồng, (ba trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi một đồng). Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 1.944.006.380 đồng (một tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm linh sáu nghìn, ba trăm tám mươi đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không buộc Doanh nghiệp tư nhân LM, chủ Doanh nghiệp là bà Hoàng Thị Bích H1 phải thanh toán số tiền lãi là 2.796.998.122 đồng (hai tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, một trăm hai mươi hai đồng) của 05 Hợp đồng tín dụng đã ký gồm: HĐTD số LD0909000214 ngày 31/3/2009; HĐTD số NCT 54/Q2/2010 ngày 21/6/2010; HĐTD số NCT 01/Q3/2010 ngày 06/7/2010; HĐTD số NCT 13/Q3/2010 ngày 16/7/2010; HĐTD số NCT 35/Q3/2010 ngày 11/8/2010.

- Doanh nghiệp tư nhân LM, chủ doanh nghiệp là bà Hoàng Thị Bích H1 không phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV tổng số tiền lãi là 2.796.998.122 đồng, (hai tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, một trăm hai mươi hai đồng) của 05 Hợp đồng tín dụng đã ký kết gồm: HĐTD số LD 0909000214 ngày 31/3/2009; HĐTD số NCT 54/Q2/2010 ngày 21/6/2010; HĐTD

số NCT 01/Q3/2010 ngày 06/7/2010; HĐTD số NCT 13/Q3/2010 ngày 16/7/2010; HĐTD số NCT 35/Q3/2010 ngày 11/8/2010.

Trường hợp Doanh nghiệp tư nhân LM, chủ Doanh nghiệp là bà Hoàng Thị Bích H1 không thanh toán số tiền 536.242.771 đồng, (năm trăm ba mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi một đồng), trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 386.242.771 đồng, thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng số 047/2011 ký kết ngày 18/3/2011, thời hạn tính lãi từ ngày 03/11/2021 cho đến khi thanh toán xong.

Trong trường hợp Doanh nghiệp tư nhân LM, chủ Doanh nghiệp là bà Hoàng Thị Bích H1 không thanh toán số tiền 1.407.763.609 đồng (một tỷ, bốn trăm linh bảy triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm linh chín đồng), thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong, mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp Doanh nghiệp tư nhân LM, chủ Doanh nghiệp là bà Hoàng Thị Bích H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV được đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm gồm:

- Diện tích 1.960 m<sup>2</sup>, thửa đất số 123, tờ bản đồ số 103-II, tại xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A231753 do UBND thị xã SC (nay là thành phố SC), tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 11/2/1991, mang tên bà Phạm Thị Đ.

- Diện tích 808m<sup>2</sup>, thửa đất số 1618, tờ bản đồ số 4, địa chỉ phường TT, thành phố TN, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0211051 do UBND thành phố TN cấp ngày 30/6/2009, mang tên hộ ông Lương Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị S.

- Diện tích 522 m<sup>2</sup>, thửa đất số 123A, tờ bản đồ số 103-II, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK223979 do UBND thị xã SC (nay là thành phố SC) cấp ngày 05/8/2008, mang tên ông Hoàng Tùng L1 và bà Mai Thị H2.

- Diện tích 567 m<sup>2</sup>, thửa đất số 123B, tờ bản đồ số 103-II, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 213980 do UBND thị xã SC (nay là thành phố SC) cấp ngày 05/8/2008, mang tên ông Hoàng Tùng V và bà Bùi Thị Bích L2.

- Diện tích 1420 m<sup>2</sup>, thửa đất số 179 và 179a, tờ bản đồ số 103-II, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã SC (nay là thành phố SC) cấp ngày 16/01/2004, mang tên hộ ông bà Nguyễn Thị Xuân L3.

3. Về án phí: Buộc Doanh nghiệp tư nhân LM, chủ Doanh nghiệp là bà Hoàng Thị Bích H1 phải chịu 70.320.191 đồng, (bảy mươi triệu, ba trăm hai mươi nghìn, một trăm chín mươi một đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền 52.454.000 đồng, (năm mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai số 0007133 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

4. Về chi phí thẩm định: Buộc Doanh nghiệp tư nhân LM, chủ Doanh nghiệp là bà Hoàng Thị Bích H1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV tiền chi phí đo đạc thẩm định là 15.000.000 đồng, (mười lăm triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/11/2021, nguyên đơn Ngân hàng kháng cáo toàn bộ Bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm và yêu cầu tính lãi suất quá hạn đối với 06 Hợp đồng tín dụng đã ký kết với bị đơn.

Ngày 18/11/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-KDTM, theo hướng sửa Bản án Kinh doanh Thương mại sơ thẩm số 13/2021/KDTM-ST, về tư cách tham gia tố tụng của bị đơn và đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ngân hàng vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bà Hoàng Thị Bích H1 là Chủ Doanh nghiệp tư nhân LM có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các đương sự khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét kháng cáo của Ngân hàng và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi của 05 Hợp đồng tín dụng đối với số tiền là 2.796.998.122 đồng thì thấy rằng: Quá trình thực hiện 06 Hợp đồng tín dụng được ký giữa bà H1 với Ngân hàng, bà H1 mới chỉ trả được một phần tiền gốc và tiền lãi, do làm ăn thua lỗ không trả được nợ theo Hợp đồng đã ký. Nay Ngân hàng yêu cầu bà H1 phải có trách nhiệm trả toàn bộ tổng số tiền gốc vay và tiền lãi tạm tính đến ngày



02/11/2021 là 4.741.004.502 đồng. Trong đó tiền gốc là 1.557.763.609 đồng, tiền lãi trong hạn là 62.652.528 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.120.588.364 đồng. Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chỉ nhất trí trả tiền gốc vay là 1.557.763.609 đồng, tiền lãi của hợp đồng tín dụng số 047/2011 ngày 18/3/2011 là 386.242.771 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 1.944.006.380 đồng cho nguyên đơn. Bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện của 05 Hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng số LD 0909000214; NCT 54/Q2/2010; NCT 01/Q3/2010; NCT 13/Q3/2010 và NCT 35/Q3/2010) đã được ký giữa bị đơn với nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với hợp đồng thứ nhất: Hợp đồng tín dụng số LD 0909000214 ngày 31/3/2009, nguyên đơn cho bị đơn vay 900.000.000 đồng, thời gian vay 36 tháng, thời hạn trả nợ là ngày 31/3/2012.

- Đối với hợp đồng thứ hai: Hợp đồng tín dụng số NCT 54/Q2/2010 ngày 21/6/2010, nguyên đơn cho bị đơn vay 500.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, thời hạn trả nợ là ngày 21/6/2011.

- Đối với hợp đồng thứ ba: Hợp đồng tín dụng số NCT 01/Q3/2010 ngày 06/7/2010, nguyên đơn cho bị đơn vay 280.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, thời hạn trả nợ là ngày 06/7/2011.

- Đối với hợp đồng thứ tư: Hợp đồng tín dụng số NCT 13/Q3/2010 ngày 16/7/2010, nguyên đơn cho bị đơn vay 300.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, thời hạn trả nợ là ngày 16/7/2011.

- Đối với hợp đồng thứ năm: Hợp đồng tín dụng số NCT 35/Q3/2010 ngày 11/8/2010, nguyên đơn cho bị đơn vay 100.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, thời hạn trả nợ là ngày 11/8/2011. Cả 05 hợp đồng này đến thời hạn thanh toán, nhưng bị đơn không thanh toán hết tiền gốc, còn tiền lãi mới thanh toán được một phần. Tuy nhiên, phía Ngân hàng không đốc thúc người vay trả những khoản vay nêu trên và cũng không có hồ sơ giấy tờ gia hạn hợp đồng, không có đơn khởi kiện, mặc dù phía nguyên đơn biết rõ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005, thì thời hiệu khởi kiện là 02 năm. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Nếu trong thời hạn đó mà không khởi kiện, thì hết thời hiệu khởi kiện, do vậy 05 hợp đồng tín dụng nêu trên đã hết thời hiệu khởi kiện đối với khoản tiền lãi. Vấn đề này đã được Tòa án nhân dân tối cao nêu tại Công văn số 02/GĐPL ngày 02/8/2021. Do vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tính lãi của 05 hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ.

- Đối với hợp đồng thứ sáu: Hợp đồng tín dụng số 047/2011/HĐTD-NTL ngày 18/3/2011, nguyên đơn cho bị đơn vay 160.000.000 đồng, thời gian vay 48 tháng, thời hạn trả nợ là ngày 18/3/2015. Đến hạn bị đơn mới trả được tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 9.953.410 đồng. Kể từ ngày 18/3/2015 đến ngày 18/3/2016, (01 năm) Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ trên. Đối với hợp đồng

tín dụng nêu trên được xác lập trước ngày 01/7/2017, đối với khoản tiền lãi được áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Xét thấy, thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng số 047/2011/HĐTD-NTL ngày 18/3/2011 vẫn còn thời hiệu khởi kiện, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng, tiền lãi suất tạm tính đến ngày 02/11/2021 là 386.242.771 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 536.242.771 đồng trả cho nguyên đơn như cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ. Như vậy, kháng cáo của Ngân hàng và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Ngoài ra, tại kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn là Doanh nghiệp tư nhân LM là chưa chính xác. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào Điều 69 Bộ luật Tổ tụng dân sự quy định: *Năng lực pháp luật tổ tụng dân sự và năng lực hành vi tổ tụng dân sự của đương sự.*

1. Năng lực pháp luật tổ tụng dân sự là khả năng có các quyền, nghĩa vụ trong tổ tụng dân sự do pháp luật quy định.

2. Năng lực hành vi tổ tụng dân sự là khả năng tự mình thực hiện quyền, nghĩa vụ tổ tụng dân sự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia tổ tụng dân sự.

*Điều 74 Bộ luật dân sự quy định, Pháp nhân như sau:*

Khoản 1. Mọi tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan;  
c) Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;

d) Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

*Điều 185 Luật Doanh nghiệp quy định về Quản lý doanh nghiệp như sau:*

...3. Chủ doanh nghiệp tư nhân là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài hoặc Tòa án trong các tranh chấp có liên quan đến doanh nghiệp.

4. Chủ doanh nghiệp tư nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

Như vậy, căn cứ vào các quy định của pháp luật nêu trên, thì bị đơn trong vụ án này phải là bà Hoàng Thị Bích H1, chủ Doanh nghiệp Tư nhân LM. Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN về tư cách tham gia tố tụng của bị đơn là có căn cứ chấp nhận. Các nội dung kháng nghị khác, như việc buộc bà H1 phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi của 05 Hợp đồng tín dụng, với số tiền là 2.796.998.122 đồng là chưa phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên về tư cách tham gia tố tụng của bị đơn.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng, năm 2016 bà H1 đã có đơn đề nghị Tòa án xem xét áp dụng thời hiệu khởi

kiện, do thời hiệu khởi kiện đã hết, vì áp dụng Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005, (thời hiệu khởi kiện là 02 năm) và áp dụng Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, (thời hiệu khởi kiện là 03 năm). Ngân hàng khởi kiện bà H1, Chủ Doanh nghiệp tư nhân LM cần phải đình chỉ, còn việc Ngân hàng khởi kiện bà H1 đòi tài sản thì áp dụng khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự 2005, bà H1 chỉ phải thanh toán số tiền gốc của 05 hợp đồng cho Ngân hàng, còn khoản tiền lãi của 05 hợp đồng do đã hết thời hiệu là có căn cứ.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN là chưa phù hợp như đã phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Các Điều 309; Điều 148 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Các Điều 159; 427 Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 357; 429; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 91; 95 Luật Các Tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí;

**1. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, sửa Bản án Kinh doanh Thương mại sơ thẩm, về tư cách tham gia tố tụng của bị đơn.**

**2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.**

**3. Buộc bà Hoàng Thị Bích H1, Chủ Doanh nghiệp tư nhân LM phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV tổng số tiền gốc và tiền lãi là 1.944.006.380 đồng (một tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm linh sáu nghìn, ba trăm tám mươi đồng), trong đó tiền gốc là 1.557.763.609 đồng, tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 047/2011/HĐTD-NTL ngày 18/3/2011 là 386.242.771 đồng, tính đến ngày 02/11/2021.**

**4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV, về việc buộc bị đơn phải trả số tiền lãi 2.796.998.122 đồng (hai tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, một trăm hai mươi hai đồng) của 05 Hợp đồng tín dụng, gồm: Hợp đồng Số LD 0909000214 ngày 31/3/2009; số NCT 54/Q2/2010 ngày 21/6/2010; số NCT 01/Q3/2010 ngày 06/7/2010; Số NCT 13/Q3/2010 ngày 16/7/2010; số NCT 35/Q3/2010 ngày 11/8/2010.**

Trường hợp bà Hoàng Thị Bích H1, chủ Doanh nghiệp tư nhân LM không thanh toán 1.944.006.380 đồng (một tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm linh sáu nghìn, ba trăm tám mươi đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh

Vượng, thì bà H1 còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng, thời hạn tính lãi từ ngày 03/11/2021 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp bà Hoàng Thị Bích H1, Chủ Doanh nghiệp tư nhân LM không thanh toán số tiền 536.242.771 đồng (năm trăm ba mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi một đồng), trong đó (150.000.000 đồng tiền gốc và 386.242.771 đồng tiền lãi), thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng số 047/2011/HĐTD-NTL ngày 18/3/2011, thời hạn tính lãi từ ngày 03/11/2021 cho đến khi thanh toán xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong, theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bà Hoàng Thị Bích H1, Chủ Doanh nghiệp tư nhân LM không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV được đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm, gồm:

- Diện tích đất 1.960 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 103-II, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, đã được UBND thị xã SC, (nay là thành phố SC) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A231753 ngày 11/2/1991, mang tên bà Phạm Thị Đ.

- Diện tích đất 808 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 1618, tờ bản đồ số 4, địa chỉ thửa đất: phường TT, thành phố TN, đã được UBND thành phố TN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0211051 ngày 30/6/2009, mang tên hộ ông Lương Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị S.

- Diện tích đất 522 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 123A, tờ bản đồ số 103-II, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, đã được UBND thị xã SC (nay là thành phố SC), tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK223979 ngày 05/8/2008, mang tên ông Hoàng Tùng L1 và bà Mai Thị H2.

- Diện tích đất 567 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 123B, tờ bản đồ số 103-II, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, đã được UBND thị xã SC (nay là thành phố SC), tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 213980 ngày 05/8/2008, mang tên ông Hoàng Tùng V và bà Bùi Thị Bích L2.

- Diện tích đất 1.420 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 179 và 179a, tờ bản đồ số 103-II, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, đã được UBND thị xã SC (nay là thành phố SC), tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/01/2004, mang tên hộ ông bà Nguyễn Thị Xuân L3.

**5. Về chi phí tố tụng:** Bà Hoàng Thị Bích H1, Chủ Doanh nghiệp tư nhân LM phải chịu 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) tiền chi phí đo đạc, thẩm định. Buộc bà Hoàng Thị Bích H1 phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí đo đạc, thẩm định do Ngân hàng đã tạm ứng trước.

## 6. Về án phí:

- Bà Hoàng Thị Bích H1, Chủ Doanh nghiệp tư nhân LM phải chịu 70.320.000 đồng (bảy mươi triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng), án phí sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV 52.454.000đ (năm mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi tư nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007133 ngày 13/12/2018 và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0000725 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án Kinh doanh Thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án 05/5/2022./.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vương Hồng Giang**

